

Nam Truc, ngày 31 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO CHẾ ĐỘ TIỀN LƯƠNG, TIỀN THƯỞNG CỦA DOANH NGHIỆP
(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2015/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015
của Bộ Kế hoạch và Đầu)

1. Chính sách tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp

Mô tả chính sách tiền lương, tiền thưởng.

- Đối với Viên chức quản lý:

Căn cứ Nghị định 52/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 quy định quản lý tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu; nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật lao động về tiền lương.

Thông tư 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao và tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Công văn số 312/UBND-VP7 ngày 19 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh Nam Định về quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng; Công văn số 97/SLĐTBXH-LĐTL ngày 20 tháng 01 năm 2017 của Sở Lao động TB&XH về quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng trong công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Hàng năm, công ty căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh và dự kiến mức độ thực hiện các chỉ tiêu gắn với tiền lương, công ty xây dựng quỹ tiền lương kế hoạch của viên chức quản lý theo NĐ52, TT27 trình các sở và UBND tỉnh phê duyệt. Hằng tháng VCQL được tạm ứng 80% mức lương cơ bản

- Đối với người lao động:

Căn cứ Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động trong công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100 % vốn điều lệ;

Công văn số 312/UBND-VP7 ngày 19 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh Nam Định về quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng; Công văn số 97/SLĐTBXH-LĐTL ngày 20 tháng 01 năm 2017 của Sở Lao động TB&XH về quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng trong công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Hàng năm, công ty căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh và dự kiến mức độ thực hiện các chỉ tiêu gắn với tiền lương, công ty xây dựng quỹ tiền lương kế

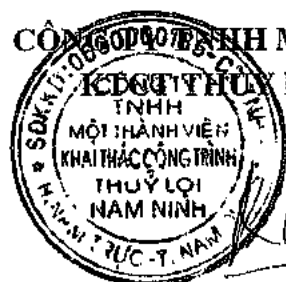
hoạch cho người lao động theo Nghị định 51 và thông tư 26 trình các sở và UBND tỉnh phê duyệt. Hằng tháng công ty tạm ứng lương cho người lao động theo hệ số lương nhân mức lương tối thiểu vùng. Đến cuối năm, sau khi được quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm, số còn phải trả sẽ được chi trả cho người lao động theo năng suất lao động.

Công ty xây dựng quy chế thưởng theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm dân chủ công khai minh bạch gắn với năng suất, chất lượng hiệu quả sản xuất kinh doanh, khi xây dựng quy chế thưởng có sự tham gia của BCH công đoàn công ty và người lao động.

Công ty đang xây dựng thang bảng lương mới theo thông tư số 17/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/4/2015

2. Báo cáo quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của doanh nghiệp

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016		Kế hoạch năm 2017
			Kế hoạch	Thực hiện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	Hạng công ty được xếp		II	II	II
II	Tiền lương của lao động				
1	Lao động	Người	173	170	173
2	Mức tiền lương bình quân	1.000đ/tháng	5.377,38	5.398,76	5.734,10
3	Quỹ tiền lương	Tr.đồng	11.163,44	11.013,47	11.904,00
4	Quỹ tiền thưởng, phúc lợi phân phối trực tiếp cho người lao động	Tr.đồng	400,00	310,91	169,98
5	Thu nhập bình quân	1.000đ/tháng	5.570,06	5.551,17	5.815,98
III	Tiền lương của VCQL chuyên trách				
1	Số người quản lý doanh nghiệp	Người	6	5	6
2	Mức lương cơ bản bình quân	Trđ/tháng	21,83	21,97	21,83
3	Quỹ tiền lương	Tr.đồng	1.362,00	1.362,00	1.572,0
4	Mức tiền lương bình quân	Tr.đồng/tháng	18,92	22,70	21,83
5	Quỹ tiền thưởng	Tr.đồng	49,12	14,70	17,00
6	Tiền thưởng, thu nhập	Tr.đồng	8,19	2,94	2,83
7	Mức thu nhập bình quân của viên chức quản lý	Tr.đồng/tháng	19,60	22,95	22,07


CÔNG ĐOÀN CÔNG NHÂN MỘT THÀNH VIÊN
Khai Thác Công Trình Thủy Lợi Nam Ninh
 TNHH
 MỘT THÀNH VIÊN
 KHAI THÁC CÔNG TRÌNH
 THỦY LỢI
 NAM NINH
 H. NAM TUYÊN - T. NAM

CHỦ TỊCH
Lê Linh Kiểm

Nam Trực, ngày 25 tháng 3 năm 2017

**KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2017
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2015/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015
của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

I. Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2016

1. Đánh giá khái quát về thị trường, tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong năm 2016

- Để thực hiện thắng lợi chỉ tiêu kế hoạch được UBND tỉnh giao, đảm bảo cung cấp đủ nước vụ chiêm xuân, vụ mùa và làm tốt công tác phòng chống lũ bão năm 2016. Ngay từ đầu tháng 10 năm 2015, Công ty đã phối hợp với các phòng ban, xã, HTX rà soát xây dựng kế hoạch nạo vét, tu bổ sửa chữa nâng cấp công trình kênh mương công đập cấp 1, cấp 2.

- Dưới sự lãnh đạo của Hội đồng hệ thống, UBND các huyện, Thành phố và đầu tư có hiệu quả của Công ty TNHH một thành viên KTCT thủy lợi Nam Ninh, đã tập trung nạo vét các kênh cấp 1, cấp 2, cửa cống, bể hút trạm bơm và sửa chữa nâng cấp các công đập, kiên cố hóa kênh mương, kênh tưới trạm bơm....

2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2016

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện
A	TỔNG CHI	1000 đ	58.655.428	58.652.906
I	Chi HĐ khai thác công trình thủy lợi	1000 đ	58.800.596	58.801.360
1	Chi công tác tưới tiêu	1000 đ	58.614.003	58.547.340
1.1	Lương và các khoản thu nhập	1000 đ	13.528.953	13.515.823
1.2	Các khoản phải nộp tính theo lương (DN trích 24% của BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ)	1000 đ	2.309.761	2.264.724
1.3	Khấu hao TSCĐ	1000 đ	4.112.013	4.120.127
1.4	Nguyên, nhiên, vật liệu để vận hành, bảo dưỡng công trình, máy móc thiết bị dùng cho dịch vụ tưới nước và tiêu nước	1000 đ	360.000	300.468
1.5	Tiền điện bơm nước tưới, tiêu	1000 đ	3.349.154	3.377.504
1.6	Chi quản lý doanh nghiệp	1000 đ	1.025.000	1.024.989
1.7	Chi PCLB, BHLĐ, đào tạo	1000 đ	1.267.000	1.258.279
1.8	Chi khác	1000 đ	1.610.400	1.572.292
1.9	Chi có tính chất phúc lợi	1000 đ	880.954	865.790
1.10	Khoán điều hành vận hành công trình nhận phân cấp	1000 đ	2.305.844	2.303.710
1.11	Chi sửa chữa công trình	1000 đ	23.864.924	23.943.634
1.12	Công trình chống hạn	1000 đ	4.000.000	4.000.000
2	Chi khác	1000 đ	186.593	254.020
II	Chi hoạt động SXKD phụ	1000 đ	(145.168)	(148.454)

B	TỔNG THU	1000 đ	58.955.428	58.955.405
1	Doanh thu dịch vụ tưới tiêu	1000 đ	57.548.428	57.496.160
2	Thu kinh doanh KTTH	1000 đ	5.000	5.000
3	Thu H Đ tài chính	1000 đ	1.250.000	1.286.054
4	Thu khác	1000 đ	152.000	168.190
C	LỢI NHUẬN	1000 đ	300.000	302.499

II. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2017

- Đánh giá, dự báo, nhận định về tình hình thị trường, những yếu tố tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư của doanh nghiệp:

+ Nhận định năm 2017 thời tiết diễn biến phức tạp, mưa bão bất thường, nhiệt độ tăng cao, tình trạng thiếu nước trên các tuyến sông lớn, bão ATNĐ nhiều hơn năm 2016. Vì vậy việc điều hành sản xuất phục vụ tưới tiêu nước gặp rất nhiều khó khăn

+ Nhiều khu công nghiệp mọc lên thu hút lực lượng lao động nông nghiệp vì vậy tình trạng nhân dân bỏ ruộng xu hướng ngày càng tăng cao

- Mục tiêu, định hướng phát triển của năm:

+ Tập trung kinh phí cấp bù miễn thủy lợi phí hàng năm để duy trì trả lương cho cán bộ CNV và đầu tư nâng cấp các công trình công đập, kênh mương trong quy hoạch hệ thống thủy nông Nam Ninh đảm bảo tốt nhất cho công tác điều hành tưới tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp

+ Đề nghị các cấp, các ngành đầu tư, cải tạo nâng cấp các công trình đã được quy hoạch trong hệ thống thủy nông Nam Ninh

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH năm 2017
A	TỔNG CHI	1000 đ	53.510.350
I	Kế hoạch chi HD khai thác công trình thủy lợi	1000 đ	53.510.350
1	Lương và các khoản thu nhập	1000 đ	14.975.383
2	Các khoản phải nộp tính theo lương (DN trích 24% của BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ)	1000 đ	2.592.167
3	Khấu hao TSCĐ	1000 đ	4.527.258
4	Nguyên, nhiên, vật liệu để vận hành, bảo dưỡng công trình, MMTB dùng cho D.vụ tưới nước và tiêu nước	1000 đ	380.000
5	Tiền điện bơm nước tưới, tiêu	1000 đ	3.860.339
6	Chi quản lý doanh nghiệp	1000 đ	1.025.000
7	Chi PCLB, BHLĐ, đào tạo	1000 đ	1.513.000
8	Chi khác	1000 đ	1.610.000
9	Chi có tính chất phúc lợi	1000 đ	987.417
10	Khoản điều hành vận hành công trình nhận phân cấp	1000 đ	2.272.050
11	Chi sửa chữa công trình	1000 đ	19.767.736
II	Chi hoạt động SXKD phụ		
B	TỔNG THU	1000 đ	53.813.877
1	Doanh thu dịch vụ tưới tiêu	1000 đ	53.058.877
2	Thu kinh doanh KTTH	1000 đ	5.000
3	Thu H Đ tài chính	1000 đ	700.000
4	Thu khác	1000 đ	50.000
III	LỢI NHUẬN	1000 đ	303.527

2. Kế hoạch đầu tư phát triển

- Kế hoạch đầu tư các dự án giai đoạn kỳ kế hoạch: Đề nghị UBND tỉnh cấp vốn cho các dự án: Nạo vét KCH Kênh Hải Ninh giai đoạn I, II; dự án: Nạo vét, KCH kênh Thứ Nhất; dự án biến đổi khí hậu Cổ Lễ- Cát Chừ- Bà Nữ- Thống Nhất. Đầu tư kinh phí nâng cấp công trình dưới đề phục vụ công tác PCLB. Cải tạo nâng cấp các công trình theo thứ tự ưu tiên bằng nguồn cấp bù miễn TLP, và các nguồn vốn hợp pháp khác.

III. Các giải pháp thực hiện

- Nhà nước cấp đủ kinh phí cấp bù miễn thủy lợi phí năm 2017 theo Nghị Định 67/2012/NĐ-CP ngày 10/09/2012 của Chính phủ để đảm bảo cho công tác điều hành sản xuất và nâng cấp, sửa chữa công trình trong quy hoạch hệ thống

- Phục vụ tưới tiêu nước kịp thời, vận động nhân dân tích cực tham gia sản xuất nông nghiệp giảm thiểu tỉ lệ bỏ ruộng. Tuyên truyền các tổ chức cá nhân thuê ruộng dân bỏ do chuyển đổi cơ cấu lao động từ sản xuất nông nghiệp sang sản xuất công nghiệp.

- Từng bước nâng cấp, sửa chữa và tu bổ công trình trong quy hoạch hệ thống đảm bảo tưới tiêu nước phục vụ sản xuất.

BIỂU SỐ 1: CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CHỦ YẾU

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm năm 2017
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất	ha	37.287,13	36.916,98
1.1	Diện tích lúa	ha	30.013,07	29.376,63
1.2	Diện tích màu, mạ, cây CN	ha	3.803,26	4.419,5
1.3	Diện tích thủy sản	ha	1.445,89	1.598,81
1.4	Diện tích cây vụ đông	ha	2.024,91	1.522,04
2	Tổng doanh thu	1.000 đ	58.955.405	53.813.877
3	Lợi nhuận trước thuế	1.000 đ	302.499	303.527
4	Nộp ngân sách	1.000 đ	28,16	89.000
5	Tổng lao động	Người	170	173
6	Tổng quỹ lương	1.000 đ	12.375.474	13.476.004
6.1	Quỹ lương quản lý	1.000 đ	1.362.000	1.572.000
6.2	Quỹ lương lao động	1.000 đ	11.013.474	11.904.004

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
THUỶ LỢI NAM NINH

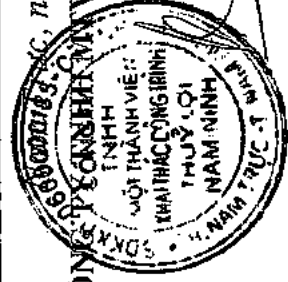
CÔNG TY
TNHH
MỘT THÀNH VIÊN
KHU THÁC CÔNG TRÌNH
THUỶ LỢI
NAM NINH

CHỦ TỊCH
Lê Linh Kiêm

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SÁP XẾP, ĐỔI MỚI DOANH NGHIỆP NĂM 2017

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2015/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ kế hoạch và đầu tư)

TT	Tên doanh nghiệp	Giữ nguyên	Thoái vốn		Tiến độ thực hiện đến năm báo cáo						Tỷ lệ Nhà nước dự kiến năm giữ sau sáp xếp, thoái vốn	KH năm 2015	Ghi chú		
			Hoàn thành trong năm X	Chưa hoàn thành	CPH										
					Thành lập Ban chỉ đạo	Đang xác định giá trị DN	Quyết định công bố giá trị DN	Quyết định phê duyệt phương án	Đã IPO	Đại hội đồng cổ đông lần 1				Tên hình thức	Đã có quyết định phê duyệt
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	
I	Công ty mẹ trong mô hình công ty mẹ - con (cấp 1)														
1	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ (cấp 2)														
2	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ cổ phần chi phối (cấp 2)														
3	Các công ty liên kết (cấp 2)														
II	Các Công ty TNHH MTV do NN làm chủ sở hữu	X													
III	Các Công ty có vốn góp của Nhà nước														



CÔNG TY TNHH MTV KTCT THỦY LỢI NAM NINH, ngày 25 tháng 3 năm 2017

CHỦ TỊCH

Lê Linh Kiêm